

## HỢP TÁC QUỐC TẾ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO

**Phạm Ngọc Trâm**

*Trường Đại học Thủ Dầu Một*

*Email: [trampn@tdmu.edu.vn](mailto:trampn@tdmu.edu.vn)*

*Ngày nhận bài: 02/03/2023; Ngày nhận đăng: 28/05/2023*

### **Tóm tắt**

*Nguồn nhân lực chất lượng cao đóng vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Trong bối cảnh hội nhập sâu và rộng, cùng với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, xu thế hợp tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là yêu cầu khách quan. Bài viết phân tích xu thế tất yếu trong hợp tác quốc tế phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam và đề xuất một số giải pháp.*

**Từ khóa:** *nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao, hợp tác quốc tế, Việt Nam.*

### **International cooperation for developing the high quality human resources**

**Pham Ngoc Tram**

*Thu Dau Mot University*

*Received: March 02, 2023; Accepted: May 28, 2023*

### **Abstract**

*High-quality human resources play a decisive role in the socio-economic development of a country. In the context of comprehensive integration, along with the strong ongoing industrial revolution 4.0, the tendency of cooperation in developing high-quality human resources is an objective requirement. The article analyzes the inevitable tendency in international cooperation to develop high-quality human resources in Vietnam and proposes some suggestions.*

**Keywords:** *human resources, high-quality human resources, international cooperation, Vietnam.*

### **1. Mở đầu**

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao đang là vấn đề đặt ra đối với tất cả các quốc gia – dân tộc, vùng lãnh thổ, tổ chức trên thế giới và Việt Nam.

Trong quá trình hội nhập quốc tế,

phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đã góp phần tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng năng suất lao động, từng bước đảm bảo đời sống của người lao động; tạo tiền đề, cơ sở vật chất - kỹ thuật để phát triển kinh tế - xã hội. Trong phạm vi nghiên cứu này, tác giả làm rõ tính tất yếu khách quan khai thác môi trường hợp tác quốc tế cho phát triển nguồn nhân lực

chất lượng cao trên hai khía cạnh lý luận và thực tiễn.

## 2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trên thế giới đã có nhiều công trình ngoài nước nghiên cứu về lý luận về phát triển nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao. Shim trong *Recent Human Resources Developments in OECD Member Countries* chỉ ra trong suốt hai thập kỷ qua, các chính phủ của OECD đã tích cực khởi xướng các cải cách quản lý nhân viên nhà nước; trong đó, quản lý nguồn nhân lực là lĩnh vực quan trọng của những cải cách này (Shim, 2001). Lawler và Boudreau trong sách *Achieving Excellence in Human Resources Management* báo cáo kết quả từ nghiên cứu thứ năm của Trung tâm Các tổ chức hiệu quả (CEO) về chức năng nguồn nhân lực trong các tập đoàn lớn; xác định các phương pháp hay nhất và thiết kế tổ chức sẽ giúp phát triển nguồn nhân lực như một đối tác chiến lược giá trị cao (Lawler và Boudreau, 2020). Joseph G. M. Massaquoi với bài viết *Science and Technology Human Resource Capacity Building in Africa – The Role of Regional Cooperation* tiếp cận hợp tác khu vực là một trong những chiến lược để vượt qua những thách thức đã xác định đối với việc phát triển nguồn nhân lực (Joseph G. M. Massaquoi, 2008). Asian Development Bank trong báo cáo *Strengthening Human Resource Development Cooperation in the Greater Mekong Subregion* chương trình Hợp tác Kinh tế Tiểu vùng Mekong mở rộng được khởi động vào năm 1992 thúc đẩy mối quan hệ và hợp tác kinh tế chặt chẽ hơn giữa sáu quốc gia có chung sông Mekong, trong đó tập trung vào nội dung hợp tác quốc tế để phát triển nguồn nhân lực khu vực (Asian Development Bank, 2007)...

Các công trình nghiên cứu về nguồn

nhân lực trên thế giới nói trên đã tập trung lý giải sâu sắc các vấn đề về lý luận: chiến lược phát triển nguồn nhân lực; môi trường kinh doanh; đổi mới, phát triển bền vững; thiết kế tổ chức phát triển nguồn nhân lực trên các góc độ: các công ty đa quốc gia, tiếp cận hợp tác khu vực, từ góc độ nhà nước... Nhìn chung, các công trình này giúp cho tác giả có cái nhìn toàn diện hơn về vấn đề nghiên cứu và vận dụng lý giải tình hình hợp tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam.

Ở Việt Nam nghiên cứu về phát triển nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao có Vũ Thị Thu Quyên với đề tài *Quản lý nguồn nhân lực xã hội* nghiên cứu nguồn nhân lực ở góc độ xã hội, cung cấp tổng quan về nguồn nhân lực xã hội, phát triển nguồn nhân lực xã hội; lý thuyết và chuyển dịch cơ cấu nguồn nhân lực xã hội; vấn đề tạo việc làm hay sử dụng nguồn nhân lực xã hội và một số vấn đề có liên quan khác (Vũ Thị Thu Quyên, 2016). Nguyễn Thị Quỳnh Anh trong nghiên cứu *Vận dụng quy luật di động xã hội trong nhận diện khung chính sách thu hút nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao đến trường đại học* xuất phát từ nghiên cứu yêu cầu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quy luật di động xã hội của nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học – công nghệ để hàm ý giải pháp xây dựng khung chính sách thu hút nguồn nhân lực có giá trị đến các trường đại học làm việc (Nguyễn Thị Quỳnh Anh, 2021). Chu Trí Thắng tập trung chủ đề *Hợp tác quốc tế đào tạo nguồn nhân lực khoa học – công nghệ - Yêu cầu và triển vọng* nghiên cứu quá trình khai thác môi trường hợp tác quốc tế nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học – công nghệ ở Việt Nam (Chu Trí Thắng, 2007). Phan Phước Hiền nghiên cứu chủ đề *Vai trò của hợp tác*

quốc tế đối với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở các trường đại học Việt Nam – Bài học kinh nghiệm đã làm rõ việc hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục đại học nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (Phan Phước Hiền, 2019)...

Phần lớn các đề tài tập trung phản ánh, phân tích về hợp tác phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên các bình diện chủ yếu: quản lý, đào tạo, sử dụng, đãi ngộ ... trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay. Đây là những tư liệu quan trọng, giúp cho tác giả tham khảo, đối chiếu và hoàn thành bài viết này.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu chủ yếu sử dụng các phương pháp lịch sử, quan hệ quốc tế, khu vực học, logic, phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu... và tiếp cận liên ngành, đa ngành và xuyên ngành trong nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

### 4. Hợp tác quốc tế - lịch sử và xu thế

Hiến chương Liên hiệp quốc năm 1945, ký ngày 26/06/1945 tại San Francisco, có hiệu lực ngày 24/10/1945, thể hiện sự hợp tác giữa các quốc gia trong việc “Thực hiện sự hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế về kinh tế, xã hội, văn hoá và nhân đạo và khuyến khích phát triển sự tôn trọng các quyền của con người và các tự do cơ bản cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ hoặc tôn giáo” (Liên Hợp Quốc, 1945). Đến năm 1970, Liên hiệp quốc đã cụ thể hóa một số nguyên tắc hợp tác quốc tế: “Mọi quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với các Quốc hội khác trong các lĩnh vực của quan hệ quốc tế để gìn giữ hòa bình và an ninh quốc tế, khuyến khích sự ổn định và tiến bộ, lợi ích chung của các dân tộc và hợp tác quốc tế mà không có sự phân biệt về sự khác nhau về chế độ chính trị, kinh tế và văn hóa” (Liên Hợp Quốc,

1970).

Ở Việt Nam, ngày từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã nhận thức được sự cần thiết phải hợp tác quốc tế để tiến hành cách mạng, xây dựng và khai thác môi trường hợp tác quốc tế để thúc đẩy phát triển đất nước, tạo dựng nền độc lập được quốc tế công nhận và từng bước nâng cao vị thế đất nước với thế giới. Bắt đầu với mục tiêu cách mạng được đúc kết qua nghiên cứu Chủ nghĩa Mác – Lênin và thực tiễn cách mạng thế giới, Hồ Chí Minh chỉ ra tính tất yếu của sự liên kết giữa các lực lượng cách mạng thế giới: “các đế quốc chủ nghĩa liên lạc nhau, để đè nén các dân hèn yếu [...] các tư bản liên lạc nhau để tước bóc lột [...] Thợ thuyền các nước liên lạc nhau để chống lại tư bản (như Hội Công nhân Quốc tế). Chúng ta cách mệnh thì cũng phải liên lạc tất cả những đảng cách mệnh trong thế giới để chống lại tư bản và đế quốc chủ nghĩa (như Đệ tam quốc tế)” (Hồ Chí Minh, 2011a; tr.305). Theo đó, Hồ Chí Minh từ sớm đã đặt Việt Nam trong mối liên kết, hợp tác quốc tế trong công cuộc giành lấy độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội: “Cách mệnh An Nam cũng là một bộ phận trong cách mệnh thế giới. Ai làm cách mệnh trong thế giới đều là đồng chí của dân An Nam cả” (Hồ Chí Minh, 2011a; tr.329). Nhưng cách mạng Việt Nam quan hệ với cách mạng thế giới, đặc biệt là với lực lượng phong trào cộng sản và công nhân quốc tế không phải theo nghĩa quan hệ chính – phụ. Cách mạng Việt Nam hợp tác với các lực lượng cách mạng thế giới, thắng lợi của cách mạng Việt Nam sẽ giúp đỡ, hỗ trợ cho cách mạng thế giới giành thắng lợi. Giai đoạn những năm 30 của thế kỷ XX, Hồ Chí Minh đã có tư duy và hành động hợp tác quốc tế trong đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ cách mạng, những người cộng sản đầu tiên ở Việt Nam vì sự nghiệp độc

lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Người đã mở các lớp huấn luyện cán bộ ở Quảng Châu, Trung Quốc, mời các nhà lý luận, hoạt động cách mạng của thế giới tham gia vào công tác này. Những đội ngũ cán bộ cách mạng được đào tạo, phát triển ở môi trường quốc tế như ở Trung Quốc, Liên Xô đã trở thành những cán bộ cách mạng đủ đức và tài, phấn đấu, hy sinh cho dân tộc và nhân dân. Sau thắng lợi Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khai sinh chính quyền dân chủ nhân dân đầu tiên tại Việt Nam, Hồ Chí Minh và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tỏ rõ với thế giới về tinh thần hợp tác quốc tế trên cơ sở độc lập dân tộc, tự chủ, tự cường: “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực” (Hồ Chí Minh, 2011b; tr.523). Từ sau năm 1954 đến khi Người qua đời (năm 1969), tinh thần hợp tác quốc tế với ý nghĩa tất yếu khách quan, vai trò của hợp tác quốc tế trong thắng lợi các mục tiêu cách mạng Việt Nam luôn được Hồ Chí Minh khẳng định, tiếp tục phát triển; trong đó, có mặt hợp tác quốc tế cho phát triển con người Việt Nam, nâng cao trình độ của cán bộ, đảng viên, nhân dân.

Trong thời kỳ 1975 – 1985, về cơ bản đất nước Việt Nam trong thời kỳ định hướng phương pháp cách mạng giai đoạn mới; tìm tòi, nghiên cứu những chủ trương để khai thông, phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Đúc kết các bài học kinh nghiệm, đòi hỏi của thực tiễn và tổng kết lý luận cách mạng, Đảng, Nhà nước và nhân dân đã chủ trương đi theo đường lối đổi mới, mở cửa, phát triển đất nước. Đường lối đổi mới đã khẳng định phương châm tiến hành xây dựng tổ quốc xã hội chủ nghĩa phù hợp với các quy luật khách quan đề ra, trong đó có chủ trương xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh

công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế... Trên khía cạnh phát triển nguồn nhân lực, xu thế toàn cầu hóa, hợp tác quốc tế được Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta đón nhận, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho việc hấp thu những kinh nghiệm, cơ hội đào tạo, phát triển nguồn nhân lực thông qua khai thác môi trường hợp tác quốc tế. Đó là tác động khách quan, tất yếu, đòi hỏi tất cả các quốc gia, dân tộc phải tranh thủ, tiếp cận, mở rộng hành lang pháp lý, phương pháp linh hoạt để khai thác một cách có hiệu quả; từ đó, củng cố vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, thúc đẩy phát triển toàn diện đất nước theo mục tiêu đề ra.

Trong khuôn khổ Liên hiệp quốc, các quốc gia là thành viên của Liên hợp quốc có nghĩa vụ hành động tập thể hoặc riêng rẽ để hợp tác với Liên hợp quốc phù hợp với những điều khoản tương ứng của Hiến chương Liên hợp quốc. Trong hai thập niên đầu thế kỷ 21, với xu thế phát triển và hội nhập quốc tế luôn giữ vai trò chủ đạo thì bất kỳ quốc gia nào dù lớn hay nhỏ, dù thuộc hệ thống kinh tế xã hội nào cũng chịu tác động của các quan hệ quốc tế. Thực tiễn cho thấy, hiện nay mọi quốc gia đều phải đối mặt với rất nhiều yếu tố bất ổn tiềm ẩn, khó lường trên thế giới và trong khu vực như: tình hình bất ổn chính trị, khủng hoảng tài chính, thiên tai do biến đổi khí hậu, dịch bệnh COVID 19... nhưng hòa bình, hợp tác cùng phát triển vẫn là xu thế chủ đạo. Trong bất cứ ngành, lĩnh vực nào, xu thế này luôn thể hiện được tầm quan trọng của nó và mang lại nhiều cơ hội thách thức cho mỗi quốc gia trong tiến trình phát triển kinh tế – xã hội. Do đó, hợp tác quốc

tế cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao là một xu thế tất yếu, khách quan.

### **5. Hợp tác quốc tế phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0**

Hợp tác quốc tế xuất hiện khi lực lượng sản xuất và phân công lao động phát triển đến một trình độ nhất định và nhu cầu hợp tác kinh tế giữa các quốc gia xuất hiện – kể cả sự hợp tác (liên minh) trong chiến tranh. Các hình thức hợp tác ban đầu chỉ là những hình thức buôn bán song phương, sau đó mở rộng, phát triển dưới dạng liên kết sản xuất kinh doanh.

Ngày nay, trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học công nghệ phát triển như vũ bão lực lượng sản xuất và công nghệ thông tin phát triển nhanh chóng với một tốc độ chưa từng thấy. Tình hình đó vừa đặt ra yêu cầu, vừa tạo ra khả năng tổ chức lại thị trường trong phạm vi toàn cầu và mở rộng phạm vi hợp tác quốc tế. Đồng thời, các quốc gia ngày nay càng có nhiều mối quan hệ phụ thuộc vào nhau hơn, cần sự hỗ trợ cho nhau trong các mối quan hệ về kinh tế, phát triển nguồn nhân lực... tạo nên xu thế tất yếu trong hợp tác quốc tế. Trên cơ sở lợi ích, các quốc gia dù phát triển ở trình độ nào cũng tìm thấy lợi ích cho mình khi tham gia hợp tác quốc tế. Do đó, xu thế tất yếu trong khai thác môi trường hợp tác quốc tế cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao hiện nay là sự hội nhập, hợp tác trên cơ sở các bên cùng có lợi. Đồng thời, từ sự hợp tác giữa các quốc gia trong tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng... tất yếu dẫn đến hợp tác quốc tế trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang phát triển mạnh mẽ.

Ngày nay, để duy trì hòa bình, an ninh quốc tế các quốc gia luôn đề cao tinh

thần hợp tác quốc tế mà không phụ thuộc vào chế độ chính trị, sự phát triển của nền kinh tế - xã hội đúng như Tuyên bố của Liên hiệp quốc “các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác với nhau trong các lĩnh vực của quan hệ quốc tế không phụ thuộc vào hệ thống chính trị, kinh tế và văn hóa, nhằm mục đích duy trì hoà bình, an ninh quốc tế và góp phần vào việc ổn định kinh tế thế giới, vì sự phồn vinh chung của các dân tộc và hợp tác quốc tế” (Liên hợp quốc, 1970). Theo nguyên tắc này các quốc gia có nghĩa vụ tiến hành hợp tác quốc tế để giải quyết các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội ... trong đó có phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

### **6. Một số giải pháp trong hợp tác quốc tế phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao**

Nguồn nhân lực chất lượng cao đã và đang là yếu tố “sống còn”, có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất một số giải pháp trong hợp tác quốc tế phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao như sau:

*Thứ nhất*, tập trung xây dựng và hoàn thiện chiến lược tổng thể, hệ thống cơ chế, chính sách về hợp tác quốc tế phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

*Thứ hai*, gắn kết chặt chẽ giữa quá trình đào tạo với bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao; đồng thời, tiếp cận chuẩn quốc tế và tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo nghề.

*Thứ ba*, tăng cường sự quản lý của Nhà nước đối với hợp tác quốc tế phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Tạo ra những cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp, nhà trường tăng cường hợp tác quốc tế phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.

## 7. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hợp tác quốc tế là một xu thế tất yếu. Trong đó, hợp tác kinh tế là mạnh mẽ nhất, tạo nên sự gắn kết nền kinh tế của một nước vào các tổ chức hợp tác kinh tế khu vực và toàn cầu. Từ sau khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc (năm 1945) đã xuất hiện các tổ chức hợp tác quốc tế có quy mô toàn cầu như Liên Minh Châu Âu, Hội đồng trợ trợ kinh tế (SEV), Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT). Từ những năm 1990 trở lại đây, tiến trình hợp tác quốc tế phát triển mạnh cùng với xu thế toàn cầu hóa đời sống kinh tế, thể hiện ở sự xuất hiện của nhiều tổ chức kinh tế khu vực và toàn cầu.

Nếu như trước đây, hợp tác quốc tế chỉ chú trọng vào những hoạt động giảm thuế, mở rộng thị trường..., ngày nay hợp tác quốc tế không những mở rộng trên từng lĩnh vực mà còn mở rộng trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Trong một thế giới hiện đại, sự phát triển của kinh tế thị trường đòi hỏi các quốc gia phải mở rộng thị trường, hình

thành thị trường khu vực và quốc tế. Đây chính là động lực chủ yếu thúc đẩy quá trình hợp tác quốc tế.

Thực tiễn hợp tác quốc tế trong một thập niên gần đây (2010 - 2020) cho thấy, bản chất của hợp tác quốc tế đều vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Các quốc gia tham gia hợp tác quốc tế đều vì sự phồn vinh của dân tộc mình. Nhìn tổng thể thì hợp tác quốc tế có ba cấp độ chính: hợp tác toàn cầu, khu vực và song phương. Các phương thức hợp tác này được triển khai trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Cho đến nay, đối với Việt Nam, hợp tác quốc tế được triển khai trên 3 lĩnh vực chính gồm: hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục, khoa học - công nghệ và các lĩnh vực khác. Và cho dù hợp tác bất cứ trên lĩnh vực nào (kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học – công nghệ ... ) thì hợp tác quốc tế cho phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao vẫn giữ vai trò then chốt□

---

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Thủ Dầu Một trong đề tài mã số NNC.21.2.010

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Asian Development Bank (2007), *Strengthening Human Resource Development Cooperation in the Greater Mekong Subregion*, Regional Technical Assistance Report, <https://www.adb.org/sites/default/files/project-document/65748/40329-reg-tar.pdf>
- Chu Trí Thắng (2007), “Hợp tác quốc tế đào tạo nguồn nhân lực khoa học – công nghệ - Yêu cầu và triển vọng”, Tạp chí *Khoa học Giáo dục*, số 25, tr. tr. 21-40.
- Joseph G. M. Massaquoi (2008), “Science and Technology Human Resource Capacity Building in Africa – The Role of Regional Cooperation”, in Vessuri, H. and Teichler, U. (eds.), *Universities as Centres of Research and Knowledge Creation: An Endangered Species?*, Sense Publishers, pp. 59-70
- Hồ Chí Minh (2011a), *Toàn tập, tập 2*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Hồ Chí Minh (2011b), *Toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- Lawler, E. & Boudreau, J. (2020), *Achieving Excellence in Human Resources Management*,

- Stanford University Press, Redwood City. <https://doi.org/10.1515/9780804771238>
- Liên hợp quốc (1970) Nghị quyết 2625 (XXV) của Đại hội đồng Liên hợp quốc ngày 24/10/1970. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Tuyen-bo-nguyen-tac-cua-Luat-Quoc-te-dieu-chinh-quan-he-huu-nghi-hop-tac-giua-cac-quoc-gia-phu-hop-voi-Hien-chuong-lien-hop-quoc-1970-65775.aspx>
- Liên Hợp Quốc (1945), *Tuyên bố về những nguyên tắc của luật quốc tế điều chỉnh quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa các quốc gia phù hợp với Hiến chương Liên Hợp Quốc* <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Hien-Chuong-Lien-hop-quoc-1945-229045.aspx>
- Nguyễn Thị Quỳnh Anh (2021), “Vận dụng quy luật di động xã hội trong nhận diện khung chính sách thu hút nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao đến trường đại học”, *Tạp chí nghiên cứu chính sách và quản lý*, số 01, tr.74-82.
- Phan Phước Hiền (2019), “Vai trò của hợp tác quốc tế đối với đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở các trường đại học Việt Nam – Bài học kinh nghiệm”, *Tạp chí Khoa học Đại học Văn Lang*, số 13 (1), tr. 27-36.
- Shim, D.-S. (2001), “Recent Human Resources Developments in OECD Member Countries”, *Public Personnel Management*, 30(3), 323–348. doi:10.1177/009102600103000304
- Vũ Thị Thu Quyên (2016), *Quản lý nguồn nhân lực xã hội*, Đề tài NCKH cấp trường, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội.